

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhị Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Minh T**, sinh năm 1991, địa chỉ: 57 đường P, phường Q, quận S, TP Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông **Phan Văn T1**, sinh năm 1981, địa chỉ: K16/H31/5 đường L, phường G, quận Th, TP Đà Nẵng.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn - bà Trần Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phan Văn T1 kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, quận Th, TP Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà chồng ở địa chỉ K16/H31/5 đường L, phường G, quận Th, TP Đà Nẵng. Trong thời gian hôn nhân thì giữa vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Sau ngày cưới một ngày, chồng tôi đã lấy hết toàn bộ số tiền mừng

cưới đi trả nợ cá độ bóng đá. Nhiều lần tôi khuyên can nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy, làm tốn rất nhiều tiền nhưng không quan tâm chăm sóc vợ con, không chịu xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh rất hay chửi mắng tôi, mâu thuẫn giữa chúng tôi đã lên đến đỉnh điểm và không thể cứu vãn được.

Từ tháng 12-2016 thì vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, tôi sinh con ở nhà cha mẹ ruột, con tôi bị tật bẩm sinh nhưng anh vẫn không quan tâm đến việc nuôi dưỡng và chạy chữa cho con. Nay tôi nhận thấy giữa hai vợ chồng có quá nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phan Văn T1.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định có 01 con chung tên Phan Thanh Anh T2, sinh ngày 04-01-2017. Ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định không có.

* Theo Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn - ông Phan Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với phần trình bày của bà Trần Thị Minh T thời gian, điều kiện kết hôn và nơi vợ chồng sống chung. Sau khi kết hôn thì vợ chồng tôi sống hạnh phúc cho đến năm 2017 bà Trần Thị Minh T sinh đứa con đầu lòng, về nhà cha mẹ ruột sống thì bà T làm đơn ly hôn đơn phương. Vì vậy, tôi không đồng ý ly hôn với bà T và xin được đoàn tụ.

Về con chung: Tôi xác định có 01 con chung tên Phan Thanh Anh T2, sinh ngày 04-01-2017. Trường hợp ly hôn, tôi đồng ý giao con cho bà T tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Trần Thị Minh T được ly hôn với ông Phan Văn T1; giao con chung Phan Thanh Anh T2, sinh ngày 04-01-2017 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn - bà Trần Thị Minh T trình bày thì bà và ông Phan Văn T1 cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, quận Th, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình ông T1. Theo bà T trình bày thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T1 ham chơi, không quan tâm đến vợ con và cuộc sống gia đình. Đến nay bà T không còn tình cảm gì với ông T1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về phía bị đơn - ông Phan Văn T1 thì cho rằng giữa vợ chồng ông không có xảy ra mâu thuẫn gì, lý do bà T xin ly hôn là do bà T về nhà cha mẹ ruột sống để sinh con. Ông T1 không đồng ý ly hôn với bà T và xin được đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 trình bày qua thời gian Tòa án giải quyết nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn nên nay ông không có ý kiến gì nữa.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của bà Trần Thị Minh T và ông Phan Văn T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, bà Thu nhận thấy giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và bà không còn muốn sống chung với ông T1 nữa nên bà có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Phan Văn T1 đều xin được đoàn tụ với bà T nhưng lại không đưa ra được giải pháp hoặc động thái gì để hàn gắn gia đình. Thực tế, ông bà đã ly thân, đời sống chung của vợ chồng là không có. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần cố gắng hòa giải cho ông bà nhận thức được hậu quả của ly hôn để hai bên đoàn tụ nhưng đều không thành. Bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn và xác nhận không còn tình cảm gì với ông T1 nữa nên Hội đồng xét xử xét thấy việc cho tồn tại cuộc hôn nhân này cũng không mang lại kết quả gì tốt đẹp cho nhau, cần xử cho bà T được ly hôn với ông T1 để cả hai sớm có cuộc sống riêng ổn định, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Minh T.

[3] Về quan hệ con chung: Các đương sự thống nhất trình bày vợ chồng có một con chung tên Phan Thanh Anh T2, sinh ngày 04-01-2017. Xét con chung dưới 36 tháng tuổi, hiện nay đang sống chung với mẹ. Bà T xin được nuôi con và ông T1 trình bày nếu Tòa án giải quyết cho bà T ly hôn thì ông cũng đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai bên và đảm bảo cho quyền lợi của cháu bé. Bà T không yêu cầu ông Phan Văn T1 cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà T và bà T chứng minh được khả năng tài chính, chỗ ở cho hai mẹ con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Minh T và ông Phan Văn T1 đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của bà Trần Thị Minh T đối với ông Phan Văn T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Minh T được ly hôn với ông Phan Văn T1.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73/2015, quyển số I/2015, ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân phường G, quận Th, TP Đà Nẵng.)

2. Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Minh T và ông Phan Văn T1 có 01 (một) con chung tên là Phan Thanh Anh T2, sinh ngày 04-01-2017.

Giao con chung Phan Thanh Anh T2, sinh ngày 04-01-2017 cho bà Trần Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Phan Văn T1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Minh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0003858 ngày 21 tháng 6 năm 2018.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai